

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-PT

Ngày 20/12/2021

“V/v: ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Việt
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam; Ông Hà Văn Chương
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Ông Nguyễn Văn Tính- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 08/2021/TLPT-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc *“Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2021/QĐ-PT, ngày 25 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, *có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Đàm Văn T**, sinh năm 1990;

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, *có mặt tại phiên tòa.*

3. Người kháng cáo: Anh Đàm Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Đàm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 14/11/2011. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đến năm 2018 chị T trở ra bắc sinh sống làm việc tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh T và các con vẫn ở trong đó đến tháng 5/2021 thì 3 bố con mới trở ra bắc và hiện đang sống tại thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị và mẹ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh T không nghe chị giải thích mà chỉ tin vào lời mẹ chồng nói, nên vợ chồng mới cãi chửi nhau, tháng 9/2020 anh T đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 6/2021 chị Hà Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Tòa án giải quyết cho cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn T.

Tại biên bản ghi lời khai, đơn đề nghị, bị đơn anh Đàm Văn T trình bày: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị Hà Thị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, sau đó về nhà gây sự, kiếm cớ vu vạ cho mẹ chồng để có mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Thực tế là không phải vậy, mà do chị T đi làm công ty phải lòng người đàn ông khác, không nghe gia đình khuyên can, tự ý bỏ nhà đi. Nay chị T có đề nghị xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa, anh chị sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay, không quan tâm hỏi han gì đến nhau nên anh nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị T có 02 con chung là cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 và Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017. Các cháu đang ở với anh T tại thôn N, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T có quan điểm được nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đàm Hà Quang V. Anh T có quan điểm được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản lấy lời khai con chung chưa thành niên thể hiện cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 có nguyện vọng được ở với bố Đàm Văn T.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hà Thị T và anh Đàm Văn T cùng xác định không có tài sản, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về điều kiện trực tiếp nuôi con: Căn cứ tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ thể hiện chị Hà Thị T là công nhân công ty TNHH CDL PRECISION TECHNOLOGY (VIETNAM), thu nhập ổn định, bình quân từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Anh Đàm Văn T là lao động tự do, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 cho anh Đàm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các bên đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, anh Đàm Văn T có đơn kháng cáo (Đơn kháng cáo ghi ngày 12/9/2021, số Công văn đến ngày 17/9/2021, đơn lần 2 ghi ngày 29/9/2021, số Công văn đến ngày 05 tháng 10 năm 2021, Tòa án sơ thẩm yêu cầu làm lại, sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo ngày 18/9/2021). Nội dung các đơn kháng cáo đối với Bản án số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang, với lý do anh yêu cầu được nuôi hai con là cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 và cháu Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017, anh T không yêu cầu chị Hà Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Đàm Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo và có ý kiến: Anh đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho anh được nuôi hai con là cháu Đàm Hà Anh K và cháu Đàm Hà Quang V. Anh T mong muốn hai con cùng được chung sống cùng nhau, tình cảm các con không bị chia cắt và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Đàm Văn T là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đàm Văn T, Sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về phần quan hệ con chung: Giao cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 và cháu Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017 cho anh Đàm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Đàm Văn T được chấp nhận nên anh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo của bị đơn anh Đàm Văn T:

Ngày 12/9/2021 và ngày 17/9/2021, anh Đàm Văn T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện S, do vụ án xử vắng mặt anh Đàm Văn T, nên việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo nêu trên được chấp nhận là hợp lệ.

Tại phiên tòa chị Hà Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Xét nội dung kháng cáo anh Đàm Văn T yêu cầu được nuôi hai con là cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 và cháu Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017 và không yêu cầu chị Hà Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại thời điểm giải quyết sơ thẩm, Tòa án sơ thẩm đã xác minh điều kiện liên quan đến việc nuôi con, điều kiện các con chung của anh T, chị T và thực trạng về nơi ở của các bên, nên cấp sơ thẩm đã tuyên án giao cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Đàm Hà Quang V sinh ngày 16/8/2017 cho chị Hà Thị T nuôi dưỡng là phù hợp với người nhận nuôi và phù hợp với lợi ích, điều kiện sinh hoạt của người con.

Tuy nhiên, cùng với việc kháng cáo, anh Đàm Văn T có giao nộp các tài liệu có xác nhận cháu Đàm Hà Quang V và cháu Đàm Hà Anh K hiện nay cùng sinh sống, học tập cùng địa chỉ với anh Đàm Văn T tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Anh T cùng hai con sinh sống trong Đắc Nông trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết ly hôn, ngoài ra anh T có cung cấp cho tòa án giấy xác nhận thu nhập của anh T 450.000 đồng/ngày, các giấy tờ khác chứng minh anh T có tài sản, thu nhập đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con. Đối với chị Hà Thị T sau khi giải quyết ly hôn tại cấp sơ thẩm đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, hiện nay đang đi làm công nhân không có mặt ở địa phương.

Xét thấy, quyền được giao con cho bố hoặc mẹ nuôi của các đương sự là bình đẳng, cần được tôn trọng nhưng đều vì mục đích tạo thuận lợi, đảm bảo cho cuộc sống, điều kiện sinh hoạt và học tập của người con.

Căn cứ vào các tài liệu mới nêu trên có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, xác định anh Đàm Văn T đảm bảo điều kiện nuôi 02 con, đảm bảo điều kiện thuận lợi về ăn, ở, sinh hoạt, học tập, tình cảm của 02 cháu không phải sống xa nhau. Do đó việc giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, không ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của người khác, các cháu được cùng học, cùng ở với nhau không bị ảnh hưởng tâm sinh lý và thuận lợi cho việc thi hành án, nên nội dung kháng cáo của anh Đàm Văn T là có căn cứ, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh Đàm Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đàm Văn T, sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 67/2021/HNGĐ-ST, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang có kháng cáo như sau:

Về quan hệ con chung: Giao cháu Đàm Hà Anh K, sinh ngày 02/8/2012 và cháu Đàm Hà Quang V, sinh ngày 16/8/2017 cho anh Đàm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Hà Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Đàm Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Đàm Văn T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai tạm thu số 0001772, ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/12/2021)/.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện S;
- Chi Cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Hữu Việt